

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2024/DS-ST  
Ngày: 29/8/2024  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Anh Chiến

2/ Ông Phạm Thế Tung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo:** Ông Ngô Thành Khánh Duy –  
Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXX – ST ngày 24/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim H** - sinh năm: 1988;

Địa chỉ: số ST, Ô F, khu T1, TT CG, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh N** – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**\* Bị đơn: Nguyễn Thị T** - sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt: chị N;

Vắng mặt: chị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng N đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:**

Do chị H và chị T là chỗ bạn bè quen biết nên chị H có cho chị Nguyễn Thị T mượn nợ nhiều lần. Tổng cộng đến ngày 03/11/2022 DL số tiền mà chị T nợ chị H là 129.000.000 đồng. Sau đó chị T có trả tiền cho chị H được số tiền 80.000.000 đồng, do đó chị T còn nợ

chị H số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả dần 3.000.000 đồng/tháng. Đối với biên nhận này thì chị H là người viết biên nhận còn chị T là người ký tên và ghi họ tên vào biên nhận.

Đến ngày 17/12/2022 DL chị T tiếp tục mượn chị H số tiền 50.000.000 đồng, khi mượn tiền thì chị T có viết và ký tên vào biên nhận vay tiền và cam kết thanh toán nợ vay, thỏa thuận lãi suất không quá 20%/năm, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 17/12/2022 DL (tức đến ngày 17/01/2023 DL) thì chị T hoàn trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng. Đối với biên nhận này thì chị H đưa mẫu cho chị T viết, chị T viết và ký tên, ghi rõ họ tên Nguyễn Thị T. Đối với cột người làm chứng thì bà Mai viết, ký tên ghi họ tên Nguyễn Tuyết Mai và bà Mai ghi dòng chữ “Bảo lanh Tôi đồng ý trả hết số tiền trong tờ giấy này”.

Tổng cộng số nợ mà chị T nợ chị H là 100.000.000 đồng. Sau đó, chị T có nhiều lần trả cho chị H được số tiền 20.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại số tiền chị T còn nợ chị H là 80.000.000 đồng. Đến nay đã hết thời hạn trả số tiền nợ 80.000.000 đồng Nng chị T vẫn không thực hiện trả nợ và lãi nào cho chị H.

Trong biên nhận vay tiền và cam kết thanh toán nợ vay ngày 17/12/2022 DL thì có người làm chứng là Nguyễn Tuyết Mai, do là Nguyễn Tuyết Mai là người quen của chị T, chị H không biết rõ năm sinh, địa chỉ của Mai. Hiện tại chị H cũng không liên lạc được với chị Mai. Chị T biết rõ được thông tin của Nguyễn Tuyết Mai nên tôi để cho chị T cung cấp năm sinh, địa chỉ của Nguyễn Tuyết Mai.

Do đó, nay chị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả cho chị số tiền vốn là 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Tại bản tự khai ngày 02/7/2024 nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Trong giấy tổng kết nợ ngày 03/11/2022 có thể hiện nội dung:

- “ -10.000 (dì Mai)
- 14.000 (7 ngày x 2 triệu = 14 tr)
- 4.000 (gửi 200k)
- 6.000 (gửi 450k)
- 10.000 (đóng hụi)

.....

-5000 (Hụi)”

Tất cả các khoản tiền này là tiền T đã trả nợ tôi.

“ -10.000 (dì Mai) là 10.000.000 đồng mà T gửi dì Mai trả tôi.

-14.000 (7 ngày x 2 triệu = 14 tr) là tổng tiền 14.000.000 đồng mà T trả góp được 7 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng.

- 4.000 (gửi 200k) là tổng tiền 4.000.000 đồng mà T trả góp mỗi ngày 200k.

- 6.000 (gửi 450k) là tổng tiền 6.000.000 đồng mà T trả góp mỗi ngày cho tôi được 450k

- 10.000 (đóng hụi) là 10.000.000 đồng tiền hụi T đóng của 02 tháng.

.....

- 5000 (Hụi)” là 5.000.000 đồng tiền hụi T đóng 01 tháng

Trong giấy tổng kết nợ ngày 03/11/2022 còn có nội dung: “+10.000 (mượn đóng hụi)” là tiền chị T mượn của chị H 10.000.000 đồng mà khi mượn thì chị T nói là để về đóng hụi cho người khác.

N vậy, tổng nợ 168.000.000 đồng, sau khi cộng và trừ các số tiền nêu trên thì chị T còn nợ chị H là 129.000.000 đồng. Ngày 03/11/2022, chị T đã trả chị H được 80.000.000 đồng nên còn nợ lại 49.000.000 đồng mà tôi và chị T thống nhất là 50.000.000 đồng chẵn.

Toàn bộ nội dung chị H trình bày trên chị T yêu cầu chị H phải viết giấy để giao chị T giữ và có thể hiện nội dung chị H cho chị T trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng Nng đến nay vẫn không thực hiện.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.**

**\* Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:** chị H có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, chị H yêu cầu chị T trả số tiền còn thiếu 79.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc chị T trả cho chị H số tiền vay còn 79.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị H khởi kiện yêu cầu chị T trả cho chị số tiền vay, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị T là bị đơn có nơi cư trú tại: ấp Bình Thành, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Cẩn.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với biên nhận ngày 03/11/2022 thì chị H là người viết biên nhận và chị H ký tên vào người nhận tiền còn chị T là người ký tên vào người trả tiền. Theo biên nhận thì chị H ghi tổng cộng đến ngày 03/11/2022 thì chị T còn nợ chị số tiền 129.000.000 đồng, chị T trả trước 80.000.000 đồng, còn nợ 49.000.000 đồng Nng hai bên thống nhất ghi chị T còn nợ 50.000.000 đồng, theo đó thì chị T trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, chị H cũng đồng ý cho chị T trả dần và bản chính biên nhận ngày 03/11/2022 thì chị H đưa cho chị T giữ. Bản chính biên nhận này chị T cung cấp trong hồ sơ thụ lý số 393/2023 ngày 26 tháng 10 năm 2023 Nng đã đình chỉ theo Quyết định số 527 ngày 21/12/2023. Tòa án đã thu thập biên nhận ngày 03/11/2022 trong hồ sơ thụ lý số 393, biên nhận này do chị T (bị đơn) nộp nên Tòa án chỉ thực hiện đối chiếu bản chính. Xét về mặt thời gian vay tiền, biên nhận ngày

03/11/2022 đã được chị H và chị T tổng kết nợ, do chị H là người nhận tiền do chị T trả nên chị H mới viết biên nhận tổng kết và chốt lại số tiền chị T còn thiếu, thời gian trả cũng N phương thức trả nợ, chị H đã giao bản chính biên nhận có chữ ký của chị H và chị T cho chị T giữ là hợp lý. Do đó, số tiền tổng kết nợ trong biên nhận ngày 03/11/2022 độc lập không liên quan gì đến số tiền trong biên nhận ngày 17/12/2022. Theo biên nhận này thì chị H đồng ý chị T còn nợ chị số tiền 49.000.000 đồng.

Đối với tiền 50.000.000 đồng mà chị H yêu cầu chị T trả theo biên nhận vay tiền và cam kết thanh toán nợ vay ngày 17/12/2022. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị H cung cấp bản chính biên nhận vay tiền và cam kết thanh toán nợ vay ngày 17/12/2022, theo chị H trình bày biên nhận này chị H đưa mẫu cho chị T viết, chị T viết và ký tên, ghi họ tên vào bên người vay tiền, trong biên nhận thể hiện chị T vay của chị H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, lãi suất không vượt quá 20%/năm, ở khoản 8 của biên nhận chị T có viết bên A (bên vay tiền) đã đọc kỹ đồng ý ký tên và tự nguyện trả gấp đôi số tiền là 100.000.000 đồng, tuy nhiên chị T chỉ khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng.

N vậy tổng kết của hai biên nhận ngày 03/11/2022 và biên nhận ngày 17/12/2022 thì chị T còn nợ chị H 99.000.000 đồng. Sau ngày 17/12/2022 thì chị T trả cho chị H rất nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng nên hiện tại chị T còn nợ chị H tổng cộng 79.000.000 đồng, do đó, chị H khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 79.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Chị T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ Nng chị vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà từ đó cho thấy chị đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị T trả số tiền 79.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.**

Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 79.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thi hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 3.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007420 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

